

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1478/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Hùng

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/7/2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 694/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4838/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Đan T, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số X Đường X, Tổ X, Khu phố X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Thùy D, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số X X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, bà D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) đề ngày 11/8/2025, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Nguyễn Vũ Đan T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D đăng ký kết hôn dựa trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 064/2005 do Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 24/10/2005.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không dung hòa được dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, lớn tiếng trong gia đình. Cả hai đã không có tiếng nói chung một thời gian dài. Ông Nguyễn Vũ Đan T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị Thùy D.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q sinh ngày 17/3/2011 và Nguyễn Vũ Anh K sinh ngày 11/12/2006. Khi ly hôn, ông Nguyễn Vũ Đan T yêu cầu giao con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q cho bà Vũ Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Vũ Đan T sẽ cấp dưỡng đối với trẻ Nguyễn Vũ Minh Q mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Vũ Anh K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: ông T khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị Thùy D vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng có Bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Vũ Thị Thùy D và ông Nguyễn Vũ Đan T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 064/2005 cấp ngày 24/10/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp, quan hệ hôn nhân không thể duy trì nữa nên bà Vũ Thị Thùy D đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Vũ Đan T.

Về con chung: Bà Vũ Thị Thùy D và ông Nguyễn Vũ Đan T có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q sinh ngày 17/3/2011 và Nguyễn Vũ Anh K sinh ngày 11/12/2006. Khi ly hôn, bà Vũ Thị Thùy D đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q sinh ngày 17/3/2011. Ông Nguyễn Vũ Đan T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Vũ Minh Q, mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Đối với con chung Nguyễn Vũ Anh K đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: bà D khai không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Đan T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Vũ Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông T được ly hôn với bà D và giao con chung tên trẻ Nguyễn Vũ Minh Q cho bà Vũ Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Vũ Đan T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với trẻ Nguyễn Vũ Minh Q mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Đối với con chung Nguyễn Vũ Anh K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bà Nguyễn Vũ Thùy D có địa chỉ cư trú tại Số X X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 064/2005 do Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 24 tháng 10 năm 2005 thì hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Ông T có yêu cầu ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy: ông T và bà D đều xác nhận cuộc sống vợ chồng của ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái và gia đình hai bên. Cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân một thời gian dài. Ông T và bà D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí của ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D thuận tình ly hôn.

[3.2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q sinh ngày 17/3/2011 và Nguyễn Vũ Anh K sinh ngày 11/12/2006. Ông Nguyễn Vũ Đan T yêu cầu giao con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q cho bà Vũ Thị Thùy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà D đồng ý nuôi con chung Nguyễn Vũ Minh Q. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu đương sự dẫn trẻ Q đến Tòa án để cung cấp nguyện vọng muốn được sống cùng ai nhưng trẻ không đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến. Ông T, bà D cũng đã thống nhất về việc giao con chung là Nguyễn Vũ Minh Q cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử có căn cứ để ghi nhận ý chí của hai đương sự. Đối với con chung Nguyễn Vũ Anh K đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Vũ Đan T đề nghị cấp dưỡng đối với con chung Nguyễn Vũ Minh Q mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào 05 dương lịch hàng tháng, bà Vũ Thị Thùy D đồng ý với số tiền, thời gian cấp dưỡng nêu trên nên có căn cứ ghi nhận ý chí thống nhất của hai đương sự.

[3.3] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm giải quyết đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí giải quyết yêu cầu cấp dưỡng là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp, ông T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Vũ Đan T:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Đan T được ly hôn với bà Vũ Thị Thùy D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 064/2005 do Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 24 tháng 10 năm 2005 cấp cho ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D không còn giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Minh Q, giới tính nam, sinh ngày 17/3/2011 cho bà Vũ Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Vũ Đan T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là trẻ Nguyễn Vũ Minh Q mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Đối với con chung Nguyễn Vũ Anh K đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành án dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Vũ Đan T không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Vũ Thị Thùy D có quyền yêu cầu Thi hành án. Kể từ ngày bà Vũ Thị Thùy D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Vũ Đan T chưa trả hết tiền cấp dưỡng thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Vũ Đan T và bà Vũ Thị Thùy D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: ông T và bà D khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Vũ Đan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020797 ngày 29/9/2025 của Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 2 TPHCM;
- TAND Khu vực 2 TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Phạm Minh Vương